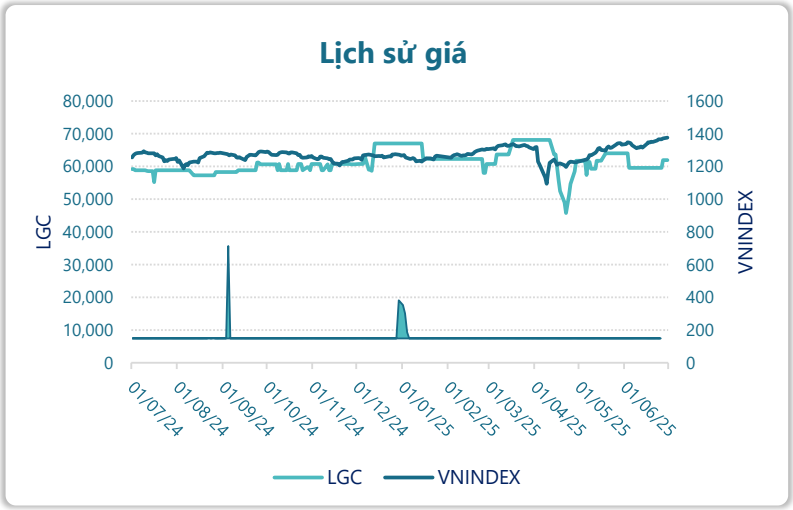
FireAnt

CTCP Đầu tư Cầu đường CII (HSX: LGC)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**63,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	68,110
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	45,766
SL cổ phiếu LH	192,854,765
KLGD BQ 20 phiên (CP)	170
% sở hữu nước ngoài	45.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,188
P/E	25.8
EPS	2,448

DT thuần

Q2/25

642

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 1.1%

YoY: ▲ 28.0| 4.6%

LN sau thuế

Q2/25

205

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.00| -2.5%

YoY: ▼103| -33.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

71.5%

+/- YoY: ▼ 13.3%

DT thuần

6T 2025

1,277

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00| -0.6%

LN sau thuế

6T 2025

415

tỷ VNĐ

YoY: ▼83.0| -16.8%

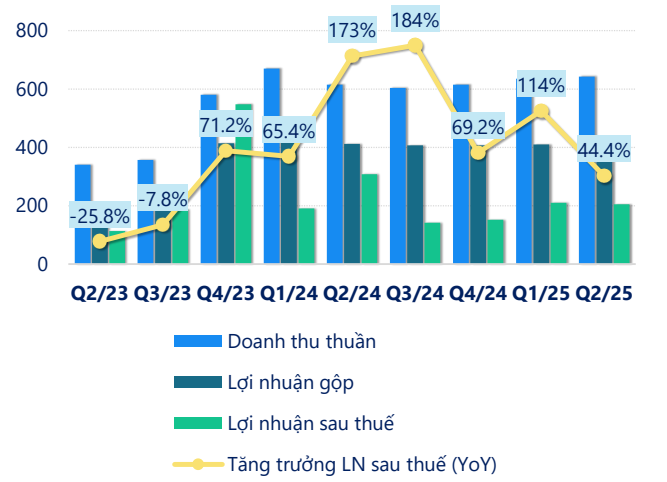
ROE

Q2/25

8.2%

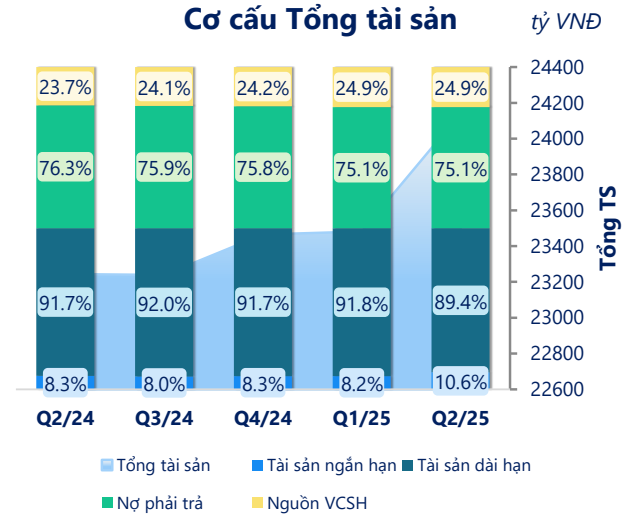
+/- YoY: ▼ 10.3%

Kết quả kinh doanh



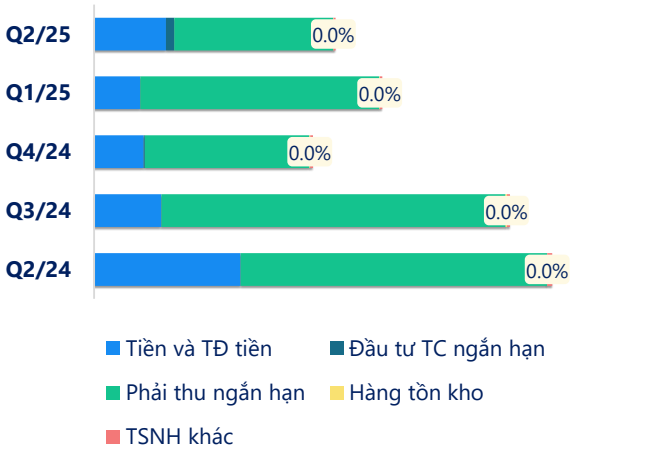
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



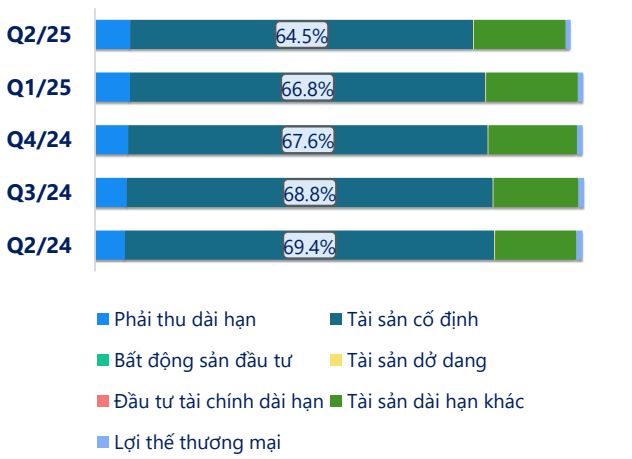
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



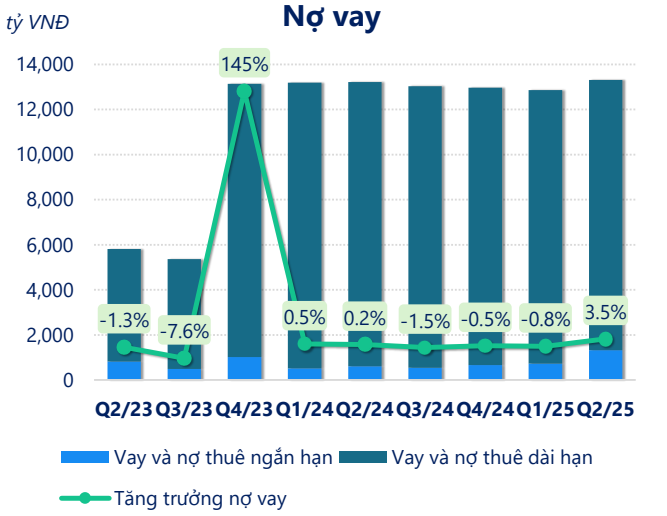
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



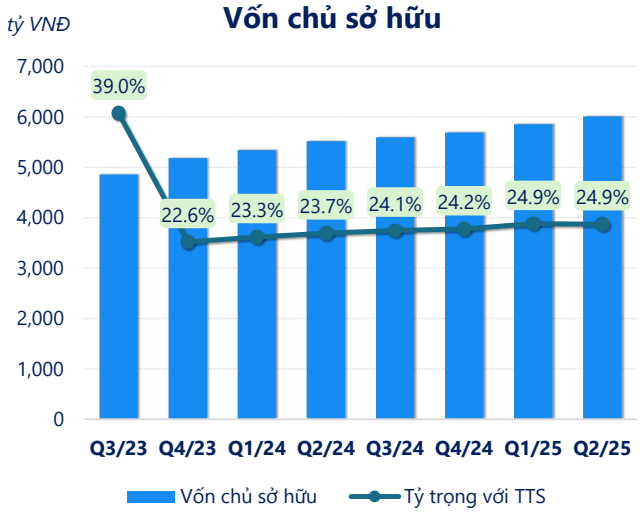
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



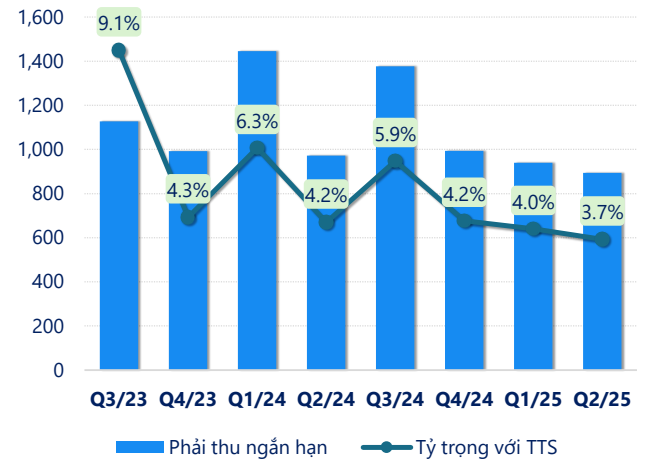
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



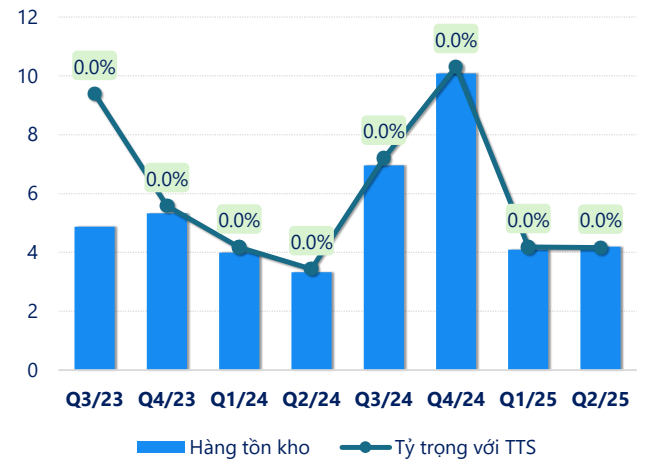
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



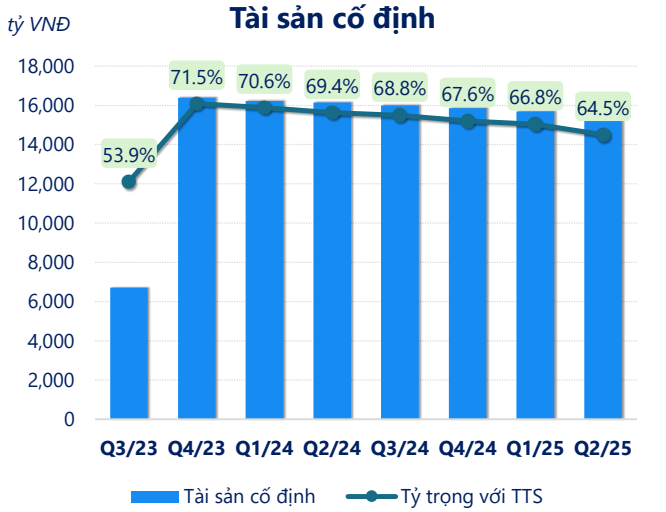
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



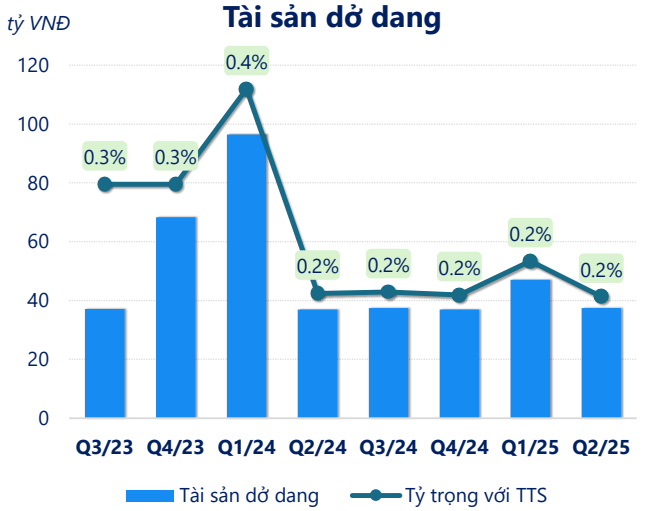
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



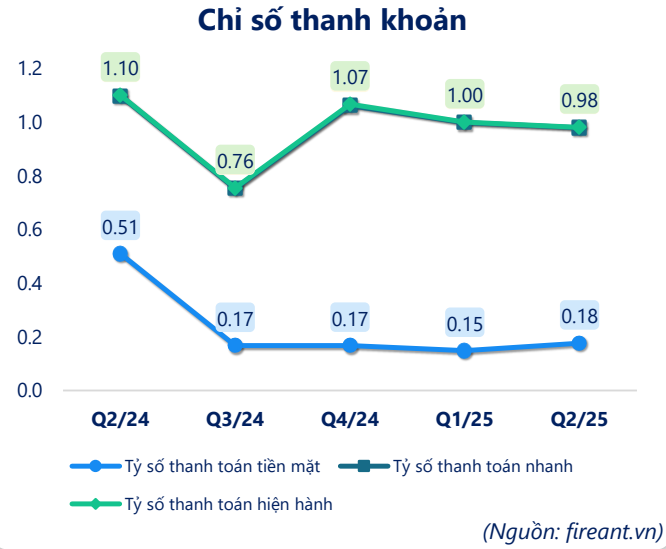
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



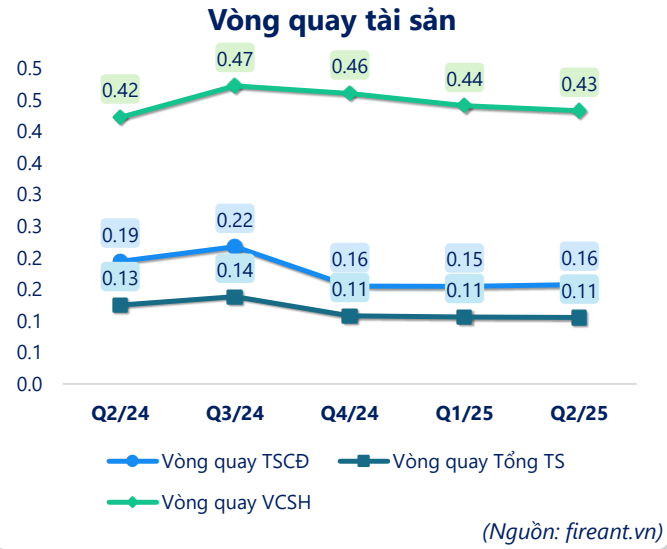
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**23,244**	**23,240**	**23,465**	**23,482**	**24,142**
Tài sản ngắn hạn	**1,934**	**1,857**	**1,944**	**1,916**	**2,548**
Tiền và tương đương tiền	896	411	305	285	457
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.6	50.6	624	674	1,180
Phải thu ngắn hạn	972	1,377	993	940	894
Hàng tồn kho	3.33	6.96	10.1	4.10	4.19
Tài sản ngắn hạn khác	11.9	11.0	11.2	13.0	13.5
Tài sản dài hạn	**21,310**	**21,383**	**21,521**	**21,566**	**21,594**
Phải thu dài hạn	1,312	1,390	1,470	1,539	1,609
Tài sản cố định	16,140	15,996	15,864	15,695	15,565
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.0	37.4	36.9	47.1	37.4
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3,559	3,706	3,904	4,047	4,154
Lợi thế thương mại	263	254	246	237	229
Nợ phải trả	**17,729**	**17,644**	**17,775**	**17,626**	**18,133**
Nợ ngắn hạn	**1,758**	**2,458**	**1,823**	**1,916**	**2,599**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	600	535	666	721	1,317
Phải trả người bán ngắn hạn	356	354	391	371	385
Nợ dài hạn	15,971	15,186	15,952	15,710	15,534
Vay và nợ thuê dài hạn	12,622	12,493	12,302	12,141	11,993
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,515**	**5,596**	**5,690**	**5,856**	**6,009**
Vốn chủ sở hữu	**5,515**	**5,596**	**5,690**	**5,856**	**6,009**
Vốn điều lệ	1,929	1,929	1,929	1,929	1,929
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)